TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2024/DS-PT

Ngày: 16-4-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Hứa Quang Thông;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 224/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1957;Địa chỉ: Số C, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967; Địa chỉ: khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2023). *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thu T1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ H, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.*(Có mặt)*

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thu T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Nguyễn Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày*: Vào ngày 22/9/2020, bà Nguyễn Thu T1 có vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng và hẹn 15 ngày trả lại, đến ngày 15/3/2021 bà T1 vay tiếp số tiền 110.000.000 đồng hẹn 7 ngày trả để đáo hạn Ngân hàng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, khi nào trả vốn thì trả luôn lãi. Nhưng đến hẹn trả tiền thì bà T1 không trả vốn và lãi như đã hứa. Ông T nhiều lần yêu cầu bà T1 trả tiền thì bà T1 cố tình tránh mặt không chịu trả.

Theo đơn khởi kiện ông Lê Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thu T1 trả cho ông T số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi, cụ thể, tính lãi số tiền 30.000.000 đồng đối với biên nhận ngày 22/9/2020 tính đến ngày 17/10/2022 là 24 tháng 25 ngày, đối với biên nhận ngày 15/3/2021 tính đến ngày 17/10/2022 là 19 tháng 2 ngày, tổng số tiền lãi là 21.267.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên họp và đơn xin xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh H trình bày ông T chỉ yêu cầu bà T1 trả cho ông T số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi, cụ thể, tính lãi số tiền 30.000.000 đồng đối với biên nhận ngày 22/9/2020 tính đến ngày 17/10/2022 là 24 tháng 25 ngày, đối với biên nhận ngày 15/3/2021 tính đến ngày 17/10/2022 là 19 tháng 2 ngày, tổng số tiền lãi là 21.267.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi 161.267.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thu T1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Toà án và không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại Bản án sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thành phố cao Lãnh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thu T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền vốn 140.000.000 đồng và tiền lãi 21.267.000 đồng, tổng cộng là 161.267.000 (Một trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 15/8/2023, bà Nguyễn Thu T1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với bà Nguyễn Thu T1 về giải quyết vụ án.

+ Bà Nguyễn Thu T1 trình bày: Bà T1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự nhận thấy như sau: Theo Biên nhận ngày 22/9/2020, thể hiện bà T1 có nhận của ông T số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn trả là 15 ngày. Biên nhận ngày 15/3/2021, bà T1 có nhận của ông T số tiền là 110.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 tuần, tổng cộng là 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền vay thì bà T1 không trả tiền cho ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh H là người đại diện hợp pháp của ông T xác định từ khi vay tiền cho đến nay thì bà T1 chưa trả số tiền nào cho ông T. Mặc dù, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà T1 trả tiền nhưng bà T1 chỉ hứa hẹn mà không trả. Như vậy, việc bà T1 không thanh toán tiền vay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ.

Đối với tính lãi suất: Nguyên đơn trình bày, hai bên có thoả thuận miệng

lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết phía nguyên đơn yêu cầu bà T1 trả tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng là tự nguyện của phía nguyên đơn và sự thay đổi này có lợi cho bị đơn. Với lãi suất nêu trên đã phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Biên nhận ngày 22/9/2020: 30.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 24 tháng 25 ngày = 5.587.000 đồng; Biên nhận ngày 15/3/2021: 10.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 19 tháng 2 ngày = 15.680.000 đồng. Tổng cộng lãi của hai biên nhận là 21.267.000 đồng.

Ông T yêu cầu bà T1 trả số tiền vay còn nợ tổng cộng vốn và lãi là 161.267.000 đồng là phù hợp theo quy định.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở sở thẩm bà T1 không có văn bản ý kiến, tài liệu chứng để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên họp và tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm thì bà T1 chỉ trình bày lý do kháng cáo và yêu cầu nại ra rằng anh Nguyễn Thanh H1 giao nhà cho ông Tấn t số tiền 140.000.000 đồng, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nếu sau này ông H1, bà T1 có đơn yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác. Như vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà T1 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Văn T khởi kiện bà Nguyễn Thu T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà T1 kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Ông Lê Văn T ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm phù hợp quy định nên chấp nhận.

[2] Ông T trình bày, vào ngày 22/9/2020 bà T1 vay tiền của ông T 30.000.000đ thời hạn trả là 15 ngày và ngày 15/3/2021 bà T1 vay tiếp số tiền

110.000.000đ thời hạn trả là một tuần, lãi suất là 3%/tháng, việc vay tiền bà T1 có làm biên nhận, theo thỏa thuận thì trả lãi khi trả vốn. Theo đơn kháng cáo của bà T1 và tại phiên tòa phúc thẩm thì bà T1 thừa nhận có vay của ông T số tiền 140.000.000đ. Vậy hai bên đã thừa nhận hợp đồng vay nói trên là có thật.

Xét thấy, ông H cho rằng ông T đã nhiều lần yêu cầu bà T1 trả tiền vay nhưng bà không trả nên ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả 140.000.000đ là có cơ sở, bởi vì: Bà T1 thừa nhận có vay tiền của ông T và bà cho rằng việc vay tiền này là do ông Nguyễn Thanh H1 bảo lãnh nên ông T mới cho vay để đáo hạn nợ ngân hàng, nhưng Ngân hàng không cho bà T1 vay tiền lại nên không có tiền trả cho ông T. Do ông H1 với ông T có giao dịch với nhau qua lại và ông H1 phải giao nhà cho con ông T đứng tên (bà T1 không biết rõ bàn bạc giữa ông H1 và ông T), đồng thời việc ông H1 giao nhà nêu trên thì ông H1 có nói trừ luôn khoản tiền của bà T1 vay của ông T. Nhưng ông T yêu cầu bà T1 phải đóng lãi thêm 50.000.000đ thì ông T mới đồng ý xé giấy nợ. Qua đó cho thấy bà T1 không có trả tiền cho ông T, đồng thời quá trình giải quyết vụ án thì bà T1 hoàn toàn không có gửi văn bản kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết vụ án. Theo đơn kháng cáo bà T1 có nêu là ông H1 bảo lãnh cho bà vay tiền và việc giao nhà cho con ông T đứng tên để xé bỏ giấy vay tiền (trừ nợ), nhưng trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Nay ông H không thừa nhận. Tuy nhiên nếu ông H1, bà T1 và ông T có tranh chấp về việc giao nhà cho con ông T (trừ nợ bà T1 vay tiền của ông T) mà ông T không thừa nhận hoặc không thỏa thuận được thì các bên có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Đối với tiền lãi: Ông T trình bày việc vay tiền có thỏa thuận trả tiền lãi và việc này được bà T1 thừa nhận. Tuy nhiên ông T cho rằng lãi suất 03%/tháng còn bà T1 thì cho rằng lãi suất 6.000đ/01 triệu đồng/ ngày. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T áp dụng mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật. Ông T khai theo thỏa thuận là khi trả vốn gốc mới trả tiền lãi nên ông T chưa nhận tiền lãi; bà T1 khai đã trả lãi cho ông T tổng cộng là 05 tháng nhưng thừa nhận không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì Vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T, cụ thể tính lãi từng khoản tiền vay kể từ ngày vay đến ngày khởi kiện, lãi suất 0,75%/tháng,

số tiền lãi 21.267.000đ là có căn cứ. Do đó kháng cáo của bà T1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ nên giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí phúc thẩm: Bà T1 phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thu T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thu T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền vốn 140.000.000 đồng và tiền lãi 21.267.000 đồng, tổng cộng là 161.267.000 (Một trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.063.000đ và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng

án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0004348 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vậy bà T1 còn phải nộp số tiền 8.063.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng